

Hải Phòng, ngày 17 tháng 4 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO**
Mã chứng khoán: **HAP**
Địa chỉ trụ sở chính: **Tầng 3, Tòa nhà Green, Số 7 Lô 28A đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.**
Điện thoại: **(84 225) 3556 002**
Fax: **(84 225) 3556 008**
Người thực hiện công bố thông tin: **Nguyễn Tuấn Anh – Thư ký HĐQT**

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

- Ngày 17/4/2021, Tập đoàn HAPACO đã thực hiện đăng tải toàn bộ tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 trên trang thông tin điện tử của Công ty, tại địa chỉ:

<http://hapaco.vn/hap-tai-lieu-dai-hoi-dong-co-dong-thuong-nien-2021/>

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Tập đoàn HAPACO: www.hapaco.vn mục Quan hệ cổ đông vào ngày 17/4/2021.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, TGD (b/c);
- Người phụ trách QT;
- Lưu VP.

Người được ủy quyền công bố thông tin



Nguyễn Tuấn Anh



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Trụ sở: Tầng 3 Tòa nhà Green, số 7 Lô 28A Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, Hải Phòng

Tel: (84-225) 3556002 Fax: (84-225) 3556008

TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

www.hapaco.vn

Hải Phòng, ngày 08 tháng 5 năm 2021



DANH MỤC TÀI LIỆU ĐẠI HỘI

Tài liệu: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

Thời gian: Từ 8h00 - 11h30 ngày 08/5/2021

Địa điểm: Trung tâm Hội Nghị Thành phố Hải Phòng, số 18 đường Hoàng Diệu, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng

1. Nội dung chương trình Đại hội
2. Nội quy làm việc của Đại hội
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020; Dự thảo phương hướng kế hoạch năm 2021
4. Báo cáo kiểm toán độc lập Báo cáo Tài chính năm 2020
5. Báo cáo kiểm điểm hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016-2020
6. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát
7. Tờ trình kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm nhiệm kỳ 2021-2026.
8. Tờ trình thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020
9. Tờ trình thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
10. Tờ trình thông qua phương án sử dụng lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020
11. Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán cho báo cáo tài chính năm 2021
12. Tờ trình thông qua phương án phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ năm 2021
13. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung điều lệ & dự thảo điều lệ
14. Quy chế hoạt động của HĐQT
15. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
16. Quy chế quản trị nội bộ công ty
17. Quy chế bầu cử HĐQT, BKS

18. Sơ yếu lí lịch ứng viên HDQT, BKS



DỰ THẢO CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Hải Phòng, ngày 08 tháng 5 năm 2021

Địa điểm: Trung tâm Hội nghị thành phố Hải Phòng, số 18 Hoàng Diệu, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

THỜI GIAN	NỘI DUNG	BỘ PHẬN THỰC HIỆN
08h00' - 08h30'	Đón tiếp đại biểu, phát tài liệu, đăng ký dự họp	Ban tổ chức đại hội
08h30' - 09h00'	Văn nghệ chào mừng	Ban tổ chức đại hội
	Chào cờ, khai mạc, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	
	Thông qua nội quy đại hội	Ban thẩm tra tư cách cổ đông
	Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông	
09h00' - 09h15'	Giới thiệu thông qua đoàn chủ tịch điều hành đại hội Thông qua ban thư ký đại hội, ban kiểm phiếu Thông qua chương trình đại hội	Hội đồng quản trị
09h15' - 09h30'	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020, dự thảo phương hướng kế hoạch năm 2021	Hội đồng quản trị
09h30' - 09h45'	Báo cáo kiểm điểm của hội đồng quản trị	Hội đồng quản trị
09h45' - 10h00'	Báo cáo kiểm điểm của ban kiểm soát	Ban kiểm soát
10h00' - 10h15'	Tờ trình thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020	Hội đồng quản trị
	Tờ trình thù lao của hội đồng quản trị và ban kiểm soát	
	Tờ trình thông qua phương án sử dụng lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020	
	Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán cho báo cáo tài chính năm 2021	
	Tờ trình kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm nhiệm kỳ 2021-2025.	
	Tờ trình thông qua phương án phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ năm 2021	
	Tờ trình ủy quyền quyết định đầu tư có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên	

	Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung điều lệ & dự thảo điều lệ	
	Thông qua quy chế hoạt động của HĐQT; Quy chế quản trị nội bộ của Công ty;	
	Thông qua quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát	
10h15' - 10h40'	Bầu cử HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2021 – 2025 Thông qua danh sách đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS: <ul style="list-style-type: none"> • Thông qua quy chế bầu cử • Tiến hành bầu cử, kiểm phiếu 	Hội đồng quản trị Ban kiểm phiếu
10h40' - 11h00'	Đại hội thảo luận	Chủ tọa đại hội
	Biểu quyết thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của đại hội	Chủ tọa đại hội
11h00' - 11h05'	Công bố kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2021-2025 và ra mắt Đại hội	Hội đồng quản trị
11h05' - 11h15'	Thông qua nghị quyết đại hội	Thư ký đại hội
11h15' - 11h30'	Bế mạc đại hội, chào cờ	Chủ tịch hội đồng quản trị

Hải Phòng, ngày 08 tháng 5 năm 2021

**NỘI QUY LÀM VIỆC
CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Nội quy này quy định về các nguyên tắc chung trong tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco.

Đại biểu cổ đông tham dự đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm thực hiện theo các quy định trong nội quy này.

ĐỐI VỚI BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

1. Đại hội được tổ chức theo quy định của luật doanh nghiệp, điều lệ về tổ chức và hoạt động của Tập đoàn do hội đồng quản trị đương nhiệm điều hành theo nội dung đã thông báo được đại hội đồng cổ đông thường niên biểu quyết.
2. Hội đồng quản trị tiến hành đại hội khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 50% tổng số cổ phần biểu quyết (*Điều 145 Luật doanh nghiệp*)
3. Chủ tịch hội đồng quản trị chủ tọa phiên họp chịu trách nhiệm điều hành đại hội và giới thiệu thành viên tham gia đoàn chủ tịch đại hội.
4. Ban thư ký đại hội, ban kiểm phiếu do chủ tọa đại hội giới thiệu và thông qua đại hội đồng cổ đông
5. Ban tổ chức giúp việc tổ chức đại hội, được thành lập theo quyết định số 16/2021/QĐ-HĐQT-HAP ngày 12/4/2021 của hội đồng quản trị.

ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG DỰ ĐẠI HỘI

1. Cổ đông đến dự đại hội phải xác nhận với ban tổ chức về số cổ phần sở hữu hoặc cổ phần đại diện ủy quyền. Mỗi cổ phần tương ứng với 01 quyền biểu quyết, mỗi cổ đông dự họp có một phiếu biểu quyết, một phiếu bầu cử HĐQT, một phiếu bầu cử BKS và một bộ tài liệu.
2. Cổ đông dùng phiếu biểu quyết, để biểu quyết từng nội dung theo yêu cầu của chủ tọa.
Thẻ lệ biểu quyết: Đại hội sẽ lấy biểu quyết của cổ đông với các tiêu chí như: Tán thành, không tán thành và ý kiến khác.
3. Cổ đông muốn phát biểu ý kiến của mình phải giơ phiếu xác nhận cổ phần dự họp và được chủ tọa đồng ý. Ý kiến phát biểu của cổ đông đúng với nội dung chương trình nghị sự của đại hội, bảo đảm ngắn gọn và rõ ràng nội dung cần nói. Mỗi ý kiến phát biểu không quá 5 phút.
4. Cổ đông dự họp phải nghiêm túc giữ gìn trật tự, văn minh khi vào hội trường. Không hút thuốc, không nói chuyện riêng, trong cuộc họp đề nghị tắt máy điện thoại di động hoặc để điện thoại di động ở chế độ họp, chế độ rung.

CÁC NGUYÊN TẮC CHUNG

1. Ban thư ký có trách nhiệm ghi lại đầy đủ toàn bộ nội dung chương trình nghị sự và ý kiến của các cổ đông vào biên bản đại hội.
2. Thẻ lệ biểu quyết: Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một quyền biểu quyết/phiếu bầu.

Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- e. Tổ chức lại, giải thể công ty;
- f. Sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty.

Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

3. Quá trình diễn ra đại hội, ban tổ chức có quyền mời ra khỏi cuộc họp những cổ đông gây rối, mất trật tự, không tuân thủ nội quy và coi như cổ đông đó tự bỏ quyền biểu quyết của mình.

Trên đây là nội quy đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco, đề nghị đại biểu cổ đông đến dự đại hội phối hợp thực hiện tốt để đại hội thành công.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

Nơi nhận

- HĐQT, BKS/d/b
- Quý Cổ đông/t/b
- Lưu HCNS

TS. Vũ Dương Hiền

Hải Phòng, ngày 08 tháng 5 năm 2021

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020-
PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021
(Trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021)

Phần thứ nhất
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG NĂM 2020:

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2020 diễn ra trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới tăng trưởng âm. Căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung càng làm gia tăng bất ổn thương mại toàn cầu, gây ảnh hưởng không nhỏ tới niềm tin kinh doanh, quyết định đầu tư. Ở trong nước, bên cạnh những thuận lợi từ kết quả tăng trưởng dương trong năm 2020, kinh tế vĩ mô ổn định nhưng cũng phải đối mặt không ít khó khăn do sự chững lại trong giai đoạn dịch bệnh và khởi sắc về cuối năm. Đặc biệt, sự xuất hiện và lây lan của virus Covid 19 từ đầu năm 2020 đã và đang gây ra những khó khăn chồng chất cho kinh tế toàn cầu.

Trong bối cảnh chung đó, năm 2020 Tập đoàn Hapaco đã luôn cố gắng thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, đạt được kết quả tăng trưởng về lợi nhuận so với năm 2019. Năm 2020, Tập đoàn có những thuận lợi và khó khăn, chủ yếu như sau:

1. Thuận lợi

Tập đoàn luôn nhận được sự hỗ trợ từ Quý cổ đông, các đơn vị trong Ngành và sự quan tâm chỉ đạo giúp đỡ của các Bộ, Ngành Trung ương và các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể của Thành phố.

Các mối quan hệ lâu năm với các khách hàng lớn, khách hàng truyền thống và các hiệp hội ngành nghề không ngừng được củng cố và phát triển.

Đội ngũ cán bộ nhân viên Tập đoàn có năng lực, kinh nghiệm, mẫn cán, đoàn kết và nhiệt tình trong công việc.

2. Khó khăn

Bên cạnh những yếu tố thuận lợi như đã nêu trên, trong năm qua hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn HAPACO cũng còn gặp không ít những khó khăn, cụ thể:

2.1. Khó khăn khách quan:

- Giá vật tư, nguyên liệu, cước, phí...tăng nhiều lần và tăng cao gây nhiều khó khăn, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Nguồn nguyên liệu cung cấp cho hoạt động sản xuất công nghiệp không ổn định nên chưa khai thác được hết công suất của máy móc thiết bị.

- Thị trường liên tục diễn biến phức tạp, biến động thất thường, có những thời điểm bất lợi cả về giá và sản lượng tiêu thụ, dẫn đến sản phẩm tồn kho, đọng vốn làm cho hiệu quả sản xuất kinh doanh bị giảm sâu.

- Đội ngũ cán bộ chủ chốt từ Tập đoàn đến các công ty thành viên còn mỏng, đội ngũ lao động có kỹ thuật cao còn thiếu, lực lượng lao động phổ thông luôn biến động gây không ít khó khăn cho sản xuất.

- Hệ thống máy móc, thiết bị, dây truyền sản xuất hầu hết đã cũ, xuống cấp do thời gian sử dụng đã lâu, ảnh hưởng không nhỏ đến năng suất và chất lượng sản phẩm, phải thường xuyên tu bổ, sửa chữa gây gián đoạn hoạt động sản xuất.

2.2. Khó khăn chủ quan:

- Những tồn tại và khuyết điểm cần khắc phục chuyển biến rất chậm.

- Công tác tổ chức, quản lý điều hành tại một số công ty thành viên còn bộc lộ những hạn chế, một bộ phận cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

- Chất lượng sản phẩm và dịch vụ chưa được coi trọng đúng mức. Chi phí cho sản xuất kinh doanh ở hầu hết các công ty thành viên còn quá cao, cá biệt có những đơn vị còn bị lỗ, đã tác động ảnh hưởng trực tiếp làm giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh chung của Tập đoàn.

- Cơ chế khoán lợi nhuận/vốn chủ sở hữu, lợi nhuận/doanh thu chưa được thực hiện triệt để, dẫn đến cán bộ quản lý các công ty, xí nghiệp, cơ sở sản xuất còn thiếu cương quyết, chỉ đạo sản xuất chưa nhanh nhạy, còn thụ động.

II. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Kết quả hoạt động sản xuất chung của Tập đoàn

Trong năm qua mặc dù còn nhiều khó khăn, song dưới sự chỉ đạo sâu sát và động viên khích lệ kịp thời của các cấp lãnh đạo Tập đoàn, cùng sự hợp tác giúp đỡ của các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cơ quan, đơn vị và sự đoàn kết của tập thể cán bộ

nhân viên. Tập đoàn đã phát huy tinh thần khắc phục khó khăn, cố gắng nghiên cứu các biện pháp tìm kiếm mở rộng thị trường, tìm kiếm nguồn nguyên liệu đầu vào, tìm kiếm và thực hiện các giải pháp khắc phục khó khăn chung, tận dụng và phát huy tốt những thuận lợi để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Tổng hợp kết quả kinh doanh của toàn Tập đoàn như sau:

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020	SO SÁNH (%)
Sản lượng sản xuất					
1	Giấy đế	Tấn	21.651	15.138	70
	Giấy Kraft	Tấn	12.834	13.817	108
	Giấy Tissue	Tấn	2.922	2.063	71
	Xuất khẩu	Conts	1.140	825	72
3	Tổng doanh thu	Triệu đồng	376.944	334.507	88
	Xuất khẩu:	USD	12.231.081	8.258.350	68
4	LN trước thuế	Triệu đồng	25.509	36.004	141
5	Nợ ngân sách	Triệu đồng	Nợ đúng, nợ đủ	Nợ đúng, nợ đủ	

2. Các hoạt động quản lý sản xuất kinh doanh

2.1. Các phòng ban nghiệp vụ:

Các phòng ban đã làm tốt công tác tham mưu cho Ban lãnh đạo Tập đoàn về các mặt: Công tác kế hoạch và chiến lược phát triển Tập đoàn; Công tác đầu tư và quản lý dự án đầu tư; Tổ chức hệ thống thông tin kinh tế trao đổi trực tuyến; Quản trị nhân sự; Kiểm soát các hoạt động kinh tế trong Tập đoàn theo các quy định về quản trị công ty; Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra kiểm soát các Công ty thành viên để kịp thời phát hiện những rủi ro tiềm tàng tham mưu cho ban lãnh đạo các cấp kịp thời chỉ đạo.

2.2. Lĩnh vực sản xuất giấy đế:

Trong năm 2020, các Công ty thành viên sản xuất được: **15.138 tấn giấy đế = 70% cùng kỳ.**

2.3. Lĩnh vực sản xuất giấy nội địa (kraft, tissue):

Trong năm 2020, các Công ty thành viên trong Tập đoàn sản xuất được:

+ **Kraft: 13.817 tấn = 108% cùng kỳ**

+ **Tissue: 2.063 tấn = 71% cùng kỳ**

2.4. Lĩnh vực sản xuất giấy xuất khẩu:

Năm 2020 thị trường xuất khẩu suy giảm mạnh của sản lượng và giá bán so với năm 2019 nên:

+ **Số lượng conts xuất khẩu: 825 conts = 72% cùng kỳ**

+ **Doanh thu xuất khẩu: 8.258.350 USD = 68% cùng kỳ**

3. Thực hiện các nhiệm vụ khác:

3.1. Thực hiện công tác an toàn - vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường:

Tập đoàn HAPACO có nhiều Công ty thành viên là doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất chế biến do đó công tác **An toàn lao động – Vệ sinh lao động** luôn được quan tâm chú trọng. Tất cả công nhân mới khi vào làm việc, thực hiện đúng bản cam kết lao động và học những quy định chung về an toàn lao động, vệ sinh lao động của công ty.

Công tác phòng cháy chữa cháy: Các Công ty thành viên là doanh nghiệp sản xuất sử dụng nhiều loại nhiên liệu, vật tư, nguyên liệu dễ cháy đã thực hiện tốt Luật phòng cháy chữa cháy, bảo vệ tốt tài sản của doanh nghiệp, tính mạng của người lao động, lãnh đạo các Công ty đã thường xuyên quan tâm, chú trọng không để xảy ra trường hợp hy hữu nào.

Tổ chức đời sống làm việc tại các Công ty thành viên: Tham gia chế độ BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động, giải quyết tốt các chế độ ốm đau, thai sản. Thực hiện tốt về thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi trong một ca sản xuất, nghỉ ăn giữa ca. Công tác cải thiện điều kiện làm việc tốt hơn cho người lao động, như đầu tư quạt công nghiệp hút gió, đầu tư thiết bị bốc xếp vận chuyển nguyên liệu nặng nhọc để giảm sức lao động.

3.2. Công tác xã hội, từ thiện:

Ngoài việc tập trung nguồn lực để tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, nộp ngân sách nhà nước đúng, đầy đủ kịp thời; chăm lo đời sống người lao động ổn định, các hoạt động xã hội từ thiện được Tập đoàn quan tâm, đóng góp: như việc đóng góp cho quỹ của quận, huyện trong đó có quỹ vì người nghèo, quỹ bảo trợ nạn nhân chất độc màu da cam, quỹ khuyến học, khuyến tài xây dựng xã hội học tập, quỹ chăm sóc người cao tuổi, quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ chăm sóc và bảo vệ trẻ em, quỹ hoạt động công đoàn, quỹ phòng chống lụt bão của quận, huyện, ủng hộ một số xóm xã địa phương xây dựng công trình nông thôn mới; ủng hộ cho các phong trào hoạt động văn hóa thể thao của các tổ chức, hội đoàn thể của địa phương, đặc biệt là việc tặng quà cho các gia đình thương binh liệt sỹ, người có công trên địa bàn xã, phường nhân dịp kỷ niệm ngày thương binh liệt sỹ 27/07, chung tay với ban ngành của địa phương tặng quà tết cho các hộ nghèo của xã, phường vào dịp tết nguyên đán. Trong năm 2020, số tiền đóng góp cho các Quỹ xã hội và các hoạt động từ thiện lên tới gần 2 tỷ đồng.

3.3. Hoạt động của tổ chức công đoàn:

Công đoàn duy trì đều đặn các hoạt động theo chỉ đạo của công đoàn cấp trên, tuyên truyền vận động công nhân chấp hành tốt nội quy, kỷ luật lao động, phát động thi đua nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm trong toàn Tập đoàn. Quan tâm chăm lo đến đời sống của người lao động, đề xuất khen thưởng động viên kịp thời những đoàn viên công đoàn có thành tích cao trong lao động sản xuất.

BCH Công đoàn đã tặng quà cho các cháu học sinh là con các đoàn viên có thành tích học giỏi khoá học 2019 – 2020; Ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6, tết Trung thu BCH Công đoàn đã tặng quà cho các cháu thiếu nhi là con của cán bộ công nhân viên trong Tập đoàn; Các đoàn viên bị ốm đau, gia đình có đám hiếu, hỷ phải nghỉ việc BCH Công đoàn đều cử cán bộ đến thăm hỏi và tặng quà.

4. Những vấn đề còn tồn tại

- Nguồn nguyên liệu phục vụ cho sản xuất giấy để ngày càng khan hiếm và xa khu vực sản xuất, địa bàn thu mua nguyên liệu trải rộng, đi lại khó khăn. Mặt khác sự cạnh tranh gay gắt về giá thu mua giữa các đơn vị cùng ngành nghề. Yếu tố mùa vụ và phong tục tập quán tại các địa phương cũng phần nào ảnh hưởng tới quá trình sản xuất.

- Thị trường xuất khẩu giảm sút.

- Hệ thống máy móc, thiết bị, dây truyền sản xuất đã cũ ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng sản phẩm.

- Sự cạnh tranh gắt gao ở các doanh nghiệp sản xuất giấy để xuất khẩu trên thị trường ngày càng quyết liệt.

- Cơ chế khoán Doanh thu- Lợi nhuận chưa được thực hiện triệt để nên hiệu quả chưa rõ rệt.

- Tình hình cạnh tranh ngày càng gay gắt, đòi hỏi về chất lượng sản phẩm ngày càng cao mới đứng vững được trên thị trường.

PHẦN II:

PHƯƠNG HƯỚNG – KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Năm 2021 dự báo kinh tế thế giới nói chung và tại Việt Nam nói riêng vẫn còn muôn vàn khó khăn với những diễn biến phức tạp. Tình hình đại dịch Covid 19 do virus SARS-CoV-2 gây ra đang tạo ra áp lực đến các nước trên thế giới. Sức ép về giảm sức mua, giảm giá của thị trường Đài Loan sẽ làm ảnh hưởng đến việc sản xuất kinh doanh sản phẩm giấy sang thị trường này. Năm 2020 nhờ nỗ lực của HĐQT và Ban điều hành chỉ tiêu lợi nhuận của Tập đoàn đã đạt được sự tăng trưởng so với năm 2019. Sang năm 2021, ngay từ đầu năm Tập đoàn HAPACO đã phát động mạnh mẽ các phong trào thi đua thiết thực hiệu quả để hoàn thành kế hoạch năm 2021; cũng như nỗ lực tháo gỡ những khó khăn trong thời gian sắp tới. Trong đó, tập trung phần đầu thực hiện tốt những nội dung sau:

1. Đối với sản xuất giấy để xuất khẩu:

Tổ chức việc thu mua, tập kết nguyên vật liệu, đảm bảo đủ nguyên liệu đáp ứng kịp thời cho sản xuất. Cải tạo hệ thống máy móc thiết bị nhà xưởng, hệ thống dây truyền sản xuất, không để ách tắc quá trình sản xuất đối với các dây chuyền cũ.

Tổ chức thường xuyên về việc nâng cao trình độ, trao đổi kỹ thuật giữa các đơn vị sản xuất giấy để xuất khẩu trong Tập đoàn để nâng cao chất lượng giấy xuất khẩu, dành ưu thế trên thị trường.

Thực hiện triệt để cơ chế khoán lợi nhuận/doanh thu đối với các đơn vị nhằm tăng lợi ích cho đơn vị và người lao động.

2. Đối với sản xuất giấy kraft và giấy Tissue:

Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất năm 2021, tích cực tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm giấy Kraft.

Thực hiện việc cải tạo đầu tư thiết bị, nhà xưởng nhằm tối ưu hóa quá trình sản xuất ở các đơn vị chưa được cải tạo các năm trước.

3. Kế hoạch – chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật năm 2021

Căn cứ vào tình hình máy móc thiết bị, công tác dự báo, nghiên cứu xu hướng thị trường, những khó khăn và thuận lợi trong năm 2020, Tập đoàn HAPACO xây dựng một số chỉ tiêu kế hoạch chính cho năm 2021 như sau:

Các chỉ tiêu kế hoạch bao gồm:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2021
1	Sản lượng giấy Kraft	Tấn	15.000
2	Sản lượng giấy tissue	Tấn	2.166
3	Sản lượng giấy đế	Tấn	15.900
	Tổng sản lượng	Tấn	33.066
	- Trong đó xuất khẩu	Conts	905
4	Tổng doanh thu	Tỷ	370
5	Nộp ngân sách NN		Nộp đúng, nộp đủ
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ	38

4. Biện pháp thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2021

- 4.1. Tiếp tục phát huy phong trào thi đua trong hoạt động sản xuất kinh doanh theo truyền thống HAPACO.
- 4.2. Thực hiện tốt nội quy, quy chế hoạt động của Tập đoàn. Tổ chức ký nhận giao ước thi đua kế hoạch năm 2020 cho các đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn.
- 4.3. Kiểm soát chặt hoạt động tài chính, thương mại để kinh doanh có hiệu quả trong việc sử dụng vốn.
- 4.4. Thực hiện việc kiểm tra kiểm soát nội bộ, theo sát hoạt động của các đơn vị thành viên, kịp thời tháo gỡ những khó khăn phát sinh và phát huy những sáng kiến, sáng tạo của các đơn vị.
- 4.5. Tiếp tục củng cố thị trường, nâng cao chất lượng sản phẩm, ổn định sản xuất đáp ứng nhu cầu khách hàng.
- 4.6. Thực hiện quy chế khoán: đối với tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh ở từng Công ty.
- 4.7. Thành lập Phòng đầu tư tài chính để tranh thủ dòng tiền của xã hội, phát huy lợi thế nguồn lực, bảo toàn đồng vốn và phần đầu đem lại lợi nhuận tốt cho Tập đoàn.

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020, phương hướng nhiệm vụ và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Tập đoàn HAPACO. Tập đoàn mong nhận được sự quan tâm, ủng hộ của các Quý vị Cổ đông để Tập đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

Hội đồng quản trị Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 phê chuẩn!

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN HAPACO

Nơi nhận:

- *HDQT, BKS, BTGD;*
- *Quý Cổ đông;*
- *Lưu HCNS.*

Số: 18/BC-HAP

Hải Phòng, ngày 08 tháng 5 năm 2021

**BÁO CÁO KIỂM ĐIỂM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)**

Căn cứ nghị quyết số 05/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 5 năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO;

Hội đồng quản trị Tập đoàn, báo cáo kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và dự thảo phương hướng kế hoạch quản trị Tập đoàn năm 2021, cụ thể:

Phần thứ nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

Những thuận lợi cốt lõi của Tập đoàn luôn được duy trì là sự lan tỏa và niềm tin của nhà đầu tư, của quý vị cổ đông và khách hàng luôn được củng cố vững chắc, đó chính là động lực kích thích thúc đẩy Tập đoàn phát triển.

Hội đồng quản trị, ban tổng giám đốc, đội ngũ cán bộ quản lý các cấp, cán bộ nhân viên và người lao động toàn Tập đoàn, luôn đoàn kết, tâm huyết, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, luôn hướng tới lợi ích của cổ đông và sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Những diễn biến phức tạp của kinh tế thế giới, kinh tế khu vực và kinh tế trong nước, đã luôn làm nảy sinh thêm những khó khăn, mà các hoạt động sản xuất, kinh doanh và đầu tư của Tập đoàn, bắt buộc phải thích ứng và phải chủ động tìm các biện pháp, giải quyết tháo gỡ.

Các chi phí nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, hóa chất, phụ gia và các yếu tố đầu vào khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, hầu như không ổn định, thường xuyên biến động và tăng cao, trong khi đó giá đầu ra cho sản phẩm hầu như không thể tăng được trước sự cạnh tranh khốc liệt ở cả thị trường trong và ngoài nước, dẫn đến lợi nhuận sản xuất kinh doanh chưa đạt được như kỳ vọng và mong mỏi của các nhà đầu tư, của quý vị cổ đông và của cán bộ, nhân viên và người lao động của Tập đoàn.

Thị trường giấy vàng mã tại Đài Loan biến động ngày càng xấu đi do cung nhiều hơn cầu làm giá bán giảm.

Một số đơn vị thành viên hoạt động còn mang tính chất bao cấp, chưa tự chủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Cơ chế khoán lợi nhuận/vốn chủ sở hữu, lợi nhuận/doanh thu chưa được thực hiện triệt để.

II. KẾT QUẢ ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ

1. Các chỉ tiêu chính đạt được

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020	SỐ SÁNH (%)
Sản lượng sản xuất					
1	Giấy đế	Tấn	21.651	15.138	70
	Giấy Kraft	Tấn	12.834	13.817	108
	Giấy Tissue	Tấn	2.922	2.063	71
	Xuất khẩu	Conts	1.140	825	72
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	376.994	334.507	88
	Xuất khẩu:	USD	12.231.081	8.258.350	68
3	LN trước thuế	Triệu đồng	25.509	36.004	141
4	Nợ ngân sách	Triệu đồng	Nợ đúng, nợ đủ	Nợ đúng, nợ đủ	

2. Quản trị nguồn nhân lực

Hội đồng quản trị đã tiếp tục sửa đổi, bổ sung quy chế bổ nhiệm, tái bổ nhiệm, luân chuyển, miễn nhiệm và từ chức của đội ngũ cán bộ quản lý các cấp từ Tập đoàn đến các Công ty thành viên cho hợp với quy mô, đặc thù, tính chất ngành nghề và lĩnh vực hoạt động, để thu hút hiền tài. Tạo động lực, tạo sức cạnh tranh, kích thích, thúc đẩy, nâng cao uy tín, đạo đức, năng lực, trách nhiệm, đóng góp, cống hiến... của đội ngũ cán bộ quản lý cho sự nghiệp phát triển Tập đoàn.

Chỉ đạo các phòng nghiệp vụ, các tổ chức đoàn thể và các bộ phận liên quan, kiểm tra, rà soát, điều chỉnh tăng tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ và thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của người lao động, để người lao động yên tâm làm việc, lao động cống hiến cho Tập đoàn.

3. Quản lý hoạt động tài chính

Thực hiện công tác quản trị tài chính doanh nghiệp theo các quy định của pháp luật hiện hành và quy chế tài chính của Tập đoàn, nguồn vốn lưu động ưu tiên tập trung cho sản xuất và đầu tư.

Chỉ đạo hệ thống kế toán từ Tập đoàn đến các Công ty thành viên, thực hiện hạch toán và quản lý dòng tiền hợp lý, đa dạng các phương án và các kênh huy động vốn, gắn với kiểm tra, kiểm soát và giám sát chặt chẽ chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh và chi phí đầu tư để đạt được hiệu quả.

Chỉ đạo quyết liệt công tác thu tiền hàng, thu hồi công nợ, không để khách hàng chiếm dụng vốn, tạo sự chủ động trong việc điều tiết, luân chuyển, bảo đảm quay vòng vốn hiệu quả, hạn chế sự phụ thuộc vốn vay tín dụng, bảo đảm phục vụ kịp thời cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh và đầu tư ổn định, an toàn.

Việc lựa chọn công ty kiểm toán, kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 được thực hiện đúng theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên 2020.

4. Quản lý giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Giám đốc các công ty thành viên bám sát sản xuất, kịp thời giải quyết, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc và các kiến nghị của khách hàng về chất lượng sản phẩm, tiến độ giao hàng và thời hạn thanh toán tiền hàng.

Chỉ đạo kết hợp tốt giữa cải tạo, nâng cấp thiết bị với tập trung sản xuất các sản phẩm truyền thống có thể mạnh như giấy kraft, giấy vàng mã xuất khẩu, giấy tissue.

Thực hiện triệt để cơ chế khoán lợi nhuận/doanh thu đối với các đơn vị thành viên.

5. Quản lý giữ vững thị trường tiêu thụ sản phẩm

Năm 2020, mặc dù có nhiều khó khăn, nhưng Tập đoàn vẫn khẳng định được chỗ đứng vững chắc đối với thị trường giấy xuất khẩu và thị trường giấy nội địa. Trong đó giấy để và giấy vàng mã xuất khẩu, sản phẩm sản xuất ra đến đâu đều tiêu thụ hết đến đó, có những thời điểm còn không cung cấp đủ sản phẩm cho khách hàng. Giấy tissue tiêu thụ ổn định, về cơ bản không có hàng tồn kho và có thị trường đủ rộng để tiêu thụ.

Thực hiện công tác khoán quản, khoán sản phẩm, khoán doanh thu và lợi nhuận, đã góp phần kích thích nâng cao năng suất, nâng cao chất lượng và giảm giá thành sản phẩm, củng cố uy tín, thương hiệu tạo sức hút đối với khách hàng, trong đó phải kể đến các đối tác, khách hàng lâu năm và khách hàng truyền thống.

IV. CHI TRẢ CỔ TỨC CHO CỔ ĐÔNG VÀ THÙ LAO CỦA HĐQT, BKS

Năm 2020, Tập đoàn đã thực hiện theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 là chia cổ tức bằng tiền mặt 3% và thực hiện chi trả thù lao cho các thành viên hội đồng quản trị và các thành viên ban kiểm soát năm 2020.

V. TỔNG KẾT CÁC PHIÊN HỌP VÀ NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp mở rộng tới ban kiểm soát và cán bộ chủ chốt của Tập đoàn, gồm các nội dung:

- Sơ kết hàng tháng, thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng tháng, hàng quý và giao chỉ tiêu kế hoạch hàng tháng, hàng quý năm 2020 cho các Công ty thành viên và các phòng nghiệp vụ của Tập đoàn.
- Thông qua một số chủ trương thực hiện 05 dự án đầu tư phát triển; Công tác chuẩn bị ĐHCĐ thường niên 2020.
- Thông qua việc mua thêm cổ phần tại Công ty CP Bệnh viện Quốc tế Green;
- Thông qua việc bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc;
- Thông qua việc thoái toàn bộ cổ phần tại Công ty CP Thương mại dịch vụ Hải Phòng;
- Lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020
- Tổng kết công tác thi đua, khen thưởng các đơn vị và cá nhân hoàn thành kế hoạch và nhiệm vụ năm 2020.

Các nghị quyết của hội đồng quản trị đều đúng, trúng trọng tâm của từng giai đoạn, từng thời điểm, đưa ra các quyết sách quản trị, tổ chức chỉ đạo và điều hành kịp thời. Trực tiếp và gián tiếp giải quyết tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho các Công ty thành viên, để đẩy mạnh tốc độ sản xuất kinh doanh, bù đắp sản lượng và doanh số cho những tháng bị giảm sút do khó khăn khách quan và chủ quan đã đạt được những kết quả đáng khích lệ.

Phần thứ hai

DỰ THẢO PHƯƠNG HƯỚNG QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN NĂM 2021

I. MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC

1. Tiếp tục chuẩn hóa và củng cố các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư, phấn đấu để Hapaco trở thành nhà sản xuất giấy xuất khẩu và giấy nội địa lớn trong nước và khu vực, đủ lực, đủ sức cạnh tranh và hướng đến điều tiết chiếm lĩnh thị phần lớn trên thị trường giấy xuất khẩu, sẵn sàng đảm trách và đáp ứng đầy đủ số lượng lớn đơn đặt hàng từ các doanh nghiệp lớn, khách hàng lớn, khách hàng truyền thống và khách hàng lâu năm ở cả trong và ngoài nước.
2. Trước tình hình khó khăn khách quan do dịch bệnh, với phương châm biến thách thức thành cơ hội, Tập đoàn tìm mọi cách vượt qua khó khăn, xoay chuyển tình thế, thích ứng với thời cuộc, theo dòng chảy của dòng tiền trong xã hội.
3. Tổ chức, quản lý và điều hành thật tốt, thật chặt chẽ và khoa học các ngành nghề, lĩnh vực hoạt động, sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ và đầu tư để san sẻ rủi ro, hỗ trợ cho nhau và để tối đa hóa lợi nhuận, để có điều kiện thực hiện nghĩa vụ với nhà nước và bảo đảm lợi ích, mối quan hệ hữu cơ giữa các cổ đông với nhà quản lý và người lao động của Tập đoàn.
4. Đầu tư thỏa đáng cho công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực, có các chính sách đãi ngộ để thu hút hiền tài, gắn với xây dựng các chuẩn mực văn hóa doanh nghiệp, môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện và công bằng. Luôn quan tâm, đề cao và chú trọng đến chất lượng nguồn nhân lực, xác định rõ vị trí, vai trò, trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi cán bộ, nhân viên và người lao động trong mái nhà chung Hapaco, ở mỗi cương vị và mỗi vị trí công tác có nguồn nhân tốt và chuẩn mực, sẽ quyết định mọi thành quả và mọi thắng lợi của Tập đoàn.
5. Thực hiện tốt trách nhiệm của doanh nghiệp đối với các nhà đầu tư và các cổ đông, không chỉ dừng lại ở việc mang lại lợi nhuận tối đa, mà còn thực hiện tốt việc quản lý rủi ro để các nhà đầu tư và các cổ đông yên tâm đầu tư, đầu tư dài hạn và tiếp tục đầu tư vào các dự án mới trong kế hoạch và chiến lược phát triển Tập đoàn.

II. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH

Căn cứ vào các chỉ tiêu thực tế đã đạt được trong năm 2020 và dự báo nhu cầu của thị trường năm 2021. Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch và chỉ đạo phấn đấu các chỉ tiêu năm 2021 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2021
1	Sản lượng giấy Kraft	Tấn	15.000
2	Sản lượng giấy tissue	Tấn	2.166
3	Sản lượng giấy đế	Tấn	15.900
	Tổng sản lượng	Tấn	33.066
	- Trong đó xuất khẩu	Conts	905
4	Tổng doanh thu	Tỷ	370
5	Nộp ngân sách NN		Nộp đúng, nộp đủ
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ	38

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Thực hiện tái cấu trúc hệ thống các công ty thành viên, hợp nhất và giải thể các đơn vị sản xuất kinh doanh kém hiệu quả và xử lý dứt điểm các vấn đề về tài sản, tài chính còn tồn đọng tại các công ty thành viên, các chi nhánh, dự án của Tập đoàn và các công ty, đơn vị liên doanh, liên kết.
2. Tiếp tục thực hiện công tác quản lý tài chính, hạch toán, quản lý và kiểm soát dòng tiền; Điều chỉnh các định mức kinh tế, kỹ thuật, định mức giao khoán cho phù hợp và sát hơn với thực tế sản xuất, kinh doanh tại các đơn vị và diễn biến của thị trường, làm căn cứ để kiểm tra, kiểm soát và giám sát hoạt động sản xuất, kinh doanh và đầu tư để đạt được hiệu quả tối ưu.
3. Thực hiện quyết liệt và sâu sát công tác thu tiền hàng, thu hồi công nợ, không để khách hàng nợ đọng lâu hoặc chiếm dụng vốn, để điều tiết, luân chuyển vốn, đáp ứng nhanh, phục vụ kịp thời cho hoạt động của các Công ty thành viên và các chương trình kế hoạch đầu tư của Tập đoàn.
4. Tiếp tục đầu tư mới, đầu tư bổ sung và đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, nhà xưởng, máy móc, thiết bị tại các Công ty thành viên theo lộ trình, gắn với nâng cao công tác quản lý, khai thác tối đa công suất thiết bị, nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường và khách hàng, bảo đảm sản xuất, kinh doanh và đầu tư an toàn, ổn định, phát triển, tăng trưởng và đạt hiệu quả.
5. Thực hiện công tác xúc tiến thương mại, tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ cho các dòng sản phẩm, giấy xuất khẩu ngoài thị trường Đài Loan, giấy tiêu thụ nội địa và các mặt hàng trong lĩnh vực kinh doanh thương mại. Đồng thời không ngừng củng cố vững chắc mối quan hệ hợp tác với khách hàng lâu năm, khách hàng truyền thống để bảo đảm ổn định đầu ra cho sản phẩm.
6. Thành lập Phòng đầu tư tài chính để tranh thủ dòng tiền của xã hội, phát huy lợi thế nguồn lực, bảo toàn đồng vốn và phân đầu đem lại lợi nhuận tốt cho Tập đoàn.
7. Quyết liệt thực hiện kiện toàn nhân sự quản lý các cấp theo hướng tinh gọn, nhẹ, chuyên nghiệp. Tập trung nhân lực cho các vị trí trực tiếp sản xuất, kinh doanh tại các đơn vị, phá sức ì so kè, tạo động lực, tinh thần thoải mái, để cán bộ nhân viên và người lao động yên tâm, tin tưởng làm việc hiệu quả.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

Nơi nhân

- HĐQT, BKS)đ/b
- Quý Cổ đông)/b
- Lưu HCNS

TS. Vũ Dương Hiến

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
(Trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021)

Thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO (Tập đoàn). Ban kiểm soát HAPACO (BKS) xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) năm 2021 các nội dung sau:

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2020

Năm 2020 Ban Kiểm soát Tập đoàn đã tiến hành thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tập đoàn HAPACO, cụ thể như sau:

Kiểm soát các công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của HĐQT, Ban TGD và các Công ty thành viên, đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tập đoàn HAPACO.

Tham dự và tham gia đóng góp ý kiến tại một số cuộc họp mở rộng của HĐQT; Kiểm tra giám sát việc triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 đối với HĐQT, Ban TGD.

Xem xét, thẩm định các Báo cáo tài chính quý, năm của Tập đoàn và của các Công ty thành viên, nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Công ty Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các vấn đề trọng yếu đến Báo cáo tài chính; giám sát việc thực thi những kiến nghị của Kiểm toán viên.

Trong năm 2020 Ban Kiểm soát đã phối hợp cùng với các bộ phận chức năng của Tập đoàn tiến hành kiểm tra, kiểm soát trực tiếp tại một số Công ty thành viên. Qua kiểm tra đã có những kiến nghị, đề xuất trong các biên bản và trong các cuộc họp với HĐQT, Ban TGD nhằm tháo gỡ kịp thời các vướng mắc, khắc phục những mặt còn tồn tại, hạn chế của các Công ty thành viên trong Tập đoàn.

II. Kiểm soát tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020

- Việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 05/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/05/2020: Ngay từ đầu năm đã được HĐQT, Ban TGD triển khai quyết liệt, kết thúc năm 2020 cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao, cụ thể :

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020	SO SÁNH (%)	
	Sản lượng sản xuất					
1	Giấy đế	Tấn	21.651	15.138	70	
	Giấy Kraft	Tấn	12.834	13.817	108	

	Giấy Tissue	Tấn	2.922	2.063	71
	Xuất khẩu	Conts	1.140	825	72
	Tổng doanh thu	Triệu đồng	376.994	334.507	88
2	Xuất khẩu:	USD	12.231.081	8.258.350	68
3	LN trước thuế	Triệu đồng	25.509	36.004	141
4	Nợ ngân sách	Triệu đồng	Nợ đúng, nợ đủ	Nợ đúng, nợ đủ	

- Về chi trả cổ tức: Tập đoàn đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2019 cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết số 05/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/05/2020 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020, tỷ lệ thực hiện là 3%/cổ phiếu (01 cổ phiếu nhận được 300 đồng).

- Thù lao HĐQT, BKS: Đã chi trả thù lao của năm 2020 cho HĐQT, BKS theo chế độ và phê duyệt của ĐHĐCĐ.

- Về lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập: HĐQT đã lựa chọn và ký kết hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt là Công ty Kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2020, để thực hiện soát xét Báo cáo Tài chính bán niên năm 2020 và kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2020 của Tập đoàn.

III. Giám sát và thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020

1. Kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính kế toán của Tập đoàn và của các Công ty thành viên: Các chính sách và chế độ kế toán áp dụng tại Tập đoàn và các Công ty thành viên đều đúng theo các chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật hiện hành.

2. BKS đã thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt và thống nhất xác nhận như sau: Báo cáo tài chính năm 2020 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn thời điểm 31/12/2020, được trình bày theo đúng quy định, phù hợp với hệ thống kế toán, các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành.

3. (Các phụ lục báo cáo kiểm toán được đính kèm tại tài liệu họp ĐHĐCĐ)

IV. Giám sát Công tác Quản trị điều hành năm 2020

Trong năm 2020, HĐQT đã tiến hành các phiên họp định kỳ để triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020. Trong một số cuộc họp mở rộng, HĐQT có mời các thành viên Ban Kiểm soát tới dự và tham gia ý kiến vào việc giải quyết, tháo gỡ kịp thời các vướng mắc và tồn tại trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

HĐQT đã thực hiện việc chỉ đạo, giám sát việc điều hành sản xuất kinh doanh của Ban TGD Tập đoàn trên cơ sở tuân thủ các quy định của Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tập đoàn, đồng thời bám sát các mục tiêu, kế hoạch Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 đã đề ra.

V. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của BKS được quy định tại Điều lệ của Tập đoàn, căn cứ vào tình hình nhân sự và kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Tập đoàn, BKS xác định trọng tâm công tác năm 2021 như sau:

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ trong việc quản trị, điều hành Tập đoàn.
2. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2021.
3. Triển khai có hiệu quả Kế hoạch kiểm tra giám sát các Công ty thành viên và Hội sở Tập đoàn .
4. Thẩm định báo cáo tài chính bán niên và cả năm 2021 của Tập đoàn.
5. Các công việc khác theo yêu cầu của Cổ đông, HĐQT.

VI. Kết luận và Kiến nghị

Thông qua hoạt động kiểm soát năm 2020 cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn đã đảm bảo an toàn, tuân thủ pháp luật, đúng định hướng nghị quyết của ĐHĐCĐ, đạt hiệu quả kinh doanh. HĐQT, Ban TGD đã lãnh đạo toàn thể Người lao động trong Công ty nỗ lực không ngừng, mang lại giá trị gia tăng cho Tập đoàn

Ban Kiểm soát kiến nghị ĐHĐCĐ, HĐQT và Ban TGD Tập đoàn một số vấn đề sau:

1. Tiếp tục rà soát, đánh giá lại hiệu quả sản xuất kinh doanh và đầu tư ở các Công ty thành viên hoạt động chưa có hiệu quả trong năm 2021, từ đó có các biện pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn hoặc cấu trúc lại nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong toàn Tập đoàn.
2. Tập trung, tăng cường công tác quản lý sản xuất, kinh doanh, phát huy tối đa công suất của máy móc, thiết bị, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.
3. Tiếp tục hoàn thiện các định mức kinh tế kỹ thuật phù hợp với sự biến động của giá cả thị trường để làm căn cứ kiểm soát chi phí sản xuất, kinh doanh.
4. Tăng cường công tác kế toán quản trị, nâng cao năng lực hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ tại các Công ty thành viên.
5. Rà soát tình hình quản lý, sử dụng vốn của các Công ty thành viên để điều phối vốn nhàn rỗi và kịp thời cho các đơn vị trong toàn Tập đoàn.

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ và phát huy hơn nữa vai trò của Ban Kiểm soát trong năm 2021, Ban Kiểm soát rất mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ của Quý Cổ đông, của HĐQT, sự hợp tác và phối hợp của Ban TGD Tập đoàn, các Công ty thành viên và các bộ phận nghiệp vụ trong toàn Tập đoàn.

Ban Kiểm soát Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 phê chuẩn!

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN HAPACO
T/M. BAN KIỂM SOÁT

Nơi nhận

- HĐQT, BKS, BTGD)/đ/b
- Quý Cổ đông)/t/b
- Lưu HCNS

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2021

TỜ TRÌNH
THÔNG QUA BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2020
(Trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO, trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 “V/v: Thông qua Báo cáo Tài chính kiểm toán năm 2020 của Tập đoàn, như sau:

Các Báo cáo Tài chính kiểm toán năm 2020 của Tập đoàn đã được Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt, tiến hành kiểm toán theo đúng chuẩn mực quy định, bao gồm:

- Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc.
- Báo cáo Kiểm toán độc lập
- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020.
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 thông qua các Báo cáo tài chính nêu trên đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Hội đồng quản trị Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 phê chuẩn!

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS, BTGD
- Quý Cổ đông
- Lưu HCNS

TS. VŨ DƯƠNG HIỀN

Số : 47.04/2020/BCTC-NVT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco, được lập ngày 29 tháng 3 năm 2021 từ trang 08 đến trang 53, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Trụ Sở Chính:Số 8, phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
[T] (84-24) 3761 3399 [F] (84-24) 3761 5599 [W] www.ntva.vn [E] vpa@ntva.vn**Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:**

104 - 106 Trần Lưu, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

T. T. M. V. I. E.
H. A. P. A. C. O.
T. H. A. N. G.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hồng Thanh

GCNĐKHNTK số: 0053-2018-124-1

Kiểm toán viên

Phạm Văn Tuấn

GCNĐKHNTK số: 4497-2018-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số	
			cuối năm	đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		431.550.376.226	423.646.039.801
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	55.358.595.013	8.720.997.308
1. Tiền	111		55.358.595.013	8.720.997.308
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2a	37.700.125.600	44.700.112.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		363.842	363.842
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(238.242)	(251.842)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		37.700.000.000	44.700.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		253.783.453.256	253.492.034.358
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	70.755.263.771	60.111.239.834
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	7.804.590.656	10.657.545.305
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	179.803.679.181	187.367.509.871
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(4.580.080.352)	(4.644.260.652)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	79.463.166.354	108.056.217.038
1. Hàng tồn kho	141		88.450.489.630	117.071.458.420
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.987.323.276)	(9.015.241.382)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.245.036.003	8.676.679.097
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	426.087.728	515.959.892
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.816.369.280	8.155.140.210
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		2.578.995	5.578.995
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		376.565.974.870	388.246.119.528
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		60.252.400.000	78.635.792.784
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	60.252.400.000	78.350.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	285.792.784
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		64.089.729.246	73.543.534.383
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	58.367.444.709	60.450.972.125
<i>Nguyên giá</i>	222		266.718.181.125	253.729.022.357
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(208.350.736.416)	(193.278.050.232)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	-	6.939.551.893
<i>Nguyên giá</i>	225		-	9.526.426.127
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	(2.586.874.234)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	5.722.284.537	6.153.010.365
<i>Nguyên giá</i>	228		10.902.598.210	10.902.598.210
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5.180.313.673)	(4.749.587.845)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		219.118.000	318.973.078
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	219.118.000	318.973.078
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	249.202.964.434	231.905.364.434
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		212.326.376.584	195.028.776.584
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		41.424.251.523	41.424.251.523
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.547.663.673)	(4.547.663.673)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.801.763.190	3.842.454.849
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	2.801.763.190	3.842.454.849
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		808.116.351.096	811.892.159.329

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		90.523.104.046	122.899.057.543
I. Nợ ngắn hạn	310		90.508.104.046	122.318.381.873
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	16.709.084.975	26.997.777.120
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	10.981.280	38.010.856
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	26.050.261.553	26.799.601.307
4. Phải trả người lao động	314		4.880.591.132	4.735.185.168
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	4.857.478.002	6.401.228.113
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	13.429.131
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	13.998.543.127	14.525.001.962
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	23.719.101.791	42.579.086.030
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	282.062.186	229.062.186
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		15.000.000	580.675.670
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		15.000.000	15.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	-	565.675.670
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

348
G T
M H
T O
A M
- T

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		717.593.247.050	688.993.101.786
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	717.593.247.050	688.993.101.786
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		556.266.210.000	556.266.210.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		556.266.210.000	556.266.210.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		29.926.940.219	29.926.940.219
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(4.570.790.000)	(4.570.790.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		64.034.589.828	64.204.460.228
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		64.187.695.211	35.832.418.805
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		23.811.496.082	16.322.048.729
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		40.376.199.129	19.510.370.076
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		7.748.601.792	7.333.862.534
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		808.116.351.096	811.892.159.329

Người lập biểu

Khoa Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng

Cao Thị Thúy Lan

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc



Vũ Xuân Thủy

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	334.507.492.025	376.994.584.010
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VII.1	334.507.492.025	376.994.584.010
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	293.257.509.007	311.918.946.895
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		41.249.983.018	65.075.637.115
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	41.764.870.675	2.263.936.535
7. Chi phí tài chính	22	VII.4	1.954.141.596	2.541.726.618
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.446.907.039	2.216.806.107
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		17.297.600.000	1.706.271
9. Chi phí bán hàng	25	VII.5	12.704.685.956	14.146.551.609
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.6	36.846.813.074	24.076.324.777
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		48.806.813.067	26.576.676.917
12. Thu nhập khác	31	VII.7	291.464.648	646.302.418
13. Chi phí khác	32	VII.8	13.356.618.969	1.713.782.912
14. Lợi nhuận khác	40		(13.065.154.321)	(1.067.480.494)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35.741.658.746	25.509.196.423
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VII.9	1.675.389.355	5.152.393.212
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>34.066.269.391</u>	<u>20.356.803.211</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>40.376.199.129</u>	<u>19.683.370.076</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>(6.309.929.738)</u>	<u>673.433.135</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VII.10	<u>727,88</u>	<u>354,84</u>

Người lập biểu



Khoa Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng



Cao Thị Thúy Lan

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc



Vũ Xuân Thủy

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	35.741.658.746	25.509.196.423
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	17.763.490.959	17.686.435.542
- Các khoản dự phòng	03	(92.112.006)	2.745.460
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(10.248.084)	88.719.397
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(58.533.516.479)	(2.611.711.617)
- Chi phí lãi vay	06	1.446.907.039	2.216.806.107
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(3.683.819.825)	42.892.191.312
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	3.560.403.890	19.952.872.163
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	28.620.968.790	(23.861.438.373)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(2.325.530.315)	3.650.927.704
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.130.563.823	(2.036.338.849)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.523.500.194)	(2.161.391.264)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.046.360.934)	(2.821.799.010)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	(189.870.400)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(47.000.000)	(326.870.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	22.495.854.835	35.288.153.683
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(6.586.770.599)	(3.424.691.548)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	563.189.546	1.329.242.187
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(21.100.000.000)	(22.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	46.197.600.000	24.850.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	37.886.292.698	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.226.189.646	2.221.803.140
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	60.186.501.291	2.976.353.779

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		103.028.631.982	140.752.979.514
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(121.442.801.777)	(139.129.754.547)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(999.999.664)	(3.001.099.308)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(16.638.508.500)	(33.277.019.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(36.052.677.959)	(34.654.893.741)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		46.629.678.167	3.609.613.721
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	8.720.997.308	5.098.447.397
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		7.919.538	12.936.190
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	55.358.595.013	8.720.997.308

Người lập biểu

Khoa Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng

Cao Thị Thúy Lan

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc



Vũ Xuân Thủy

Số: 43/TTr-HAP

Hải Phòng, ngày 08 tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH

(V/v thông qua phương án sử dụng lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020)

Kính trình: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án: **Trả cổ tức bằngtừ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến ngày 31/12/2020.**

Đối với cổ tức% năm 2020 được chia: Trình Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn thời điểm thích hợp theo quy định để thực hiện.

Phần lợi nhuận còn lại chưa phân phối dùng để tái đầu tư, đồng thời nâng cao năng lực tài chính, bổ sung vốn lưu động cho Tập đoàn, hạn chế các rủi ro thanh khoản cho doanh nghiệp trong năm 2021, gia tăng lợi ích cho cổ đông.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 xem xét, phê chuẩn.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS}đ/b
- Quý Cổ đông}t/b
- Lưu HCNS

TS. Vũ Dương Hiền

TỜ TRÌNH

(V/v thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát)

Kính trình: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp 2021;
- Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO;

I. Báo cáo thù lao cho hội đồng quản trị và ban kiểm soát năm 2020

Trong năm 2020, Tập đoàn HAPACO đã thực hiện việc chi thù lao thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát theo nghị quyết số 05/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 5 năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

II. Thông qua mức thù lao cho hội đồng quản trị và ban kiểm soát năm 2021

1. Căn cứ để xác định mức thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát:

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Tập đoàn.
- Định hướng hoạt động, kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2021.
- Tham khảo mức thù lao áp dụng của đại đa số các doanh nghiệp quy mô tương tự hiện nay trên thị trường.

2. Đề xuất về mức thù lao bình quân đề xuất đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021:

- Thành viên Hội đồng quản trị : 7.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên ban kiểm soát : 5.000.000 đồng/người/tháng
- Nếu phần đầu vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận thì Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được thưởng **10%** trên lợi nhuận vượt mức kế hoạch năm 2021.
- Mức thù lao chi trả cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát là trước thuế. Các thành viên HĐQT, BKS chịu trách nhiệm khai báo và nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định của Pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng xem xét, phê chuẩn.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS}đ/b
- Quý Cổ đông}t/b
- Lưu HCNS

TS. Vũ Dương Hiền

Hải Phòng, ngày 08 tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH

*(V/v ủy quyền cho HĐQT lựa chọn
Công ty kiểm toán cho Báo cáo Tài chính năm 2021)*

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco;

Để thuận lợi cho việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Tập đoàn. Hội đồng quản trị trình đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một trong các công ty kiểm toán trong danh sách các công ty kiểm toán được Bộ tài chính chấp thuận thực hiện kiểm toán đơn vị có lợi ích công chúng năm 2021 để soát xét báo cáo tài chính bán niên 2021 và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Tập đoàn theo quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội xem xét, phê chuẩn.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nơi nhân:

- HĐQT, BKS}đ/b
- Quý Cổ đông}t/b
- Lưu HCNS

TS. Vũ Dương Hiền

Hải Phòng, ngày 08 tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH
ỦY QUYỀN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ
(Trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO, trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021, thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc đầu tư và quyết định các dự án đầu tư của Tập đoàn.

Để giảm bớt các thủ tục hành chính và chi phí hành chính, bảo đảm thuận lợi cho việc triển khai các chương trình đầu tư và dự án đầu tư của Tập đoàn.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc Tập đoàn đầu tư có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của Tập đoàn.

Thời hạn ủy quyền: Từ ngày 08/05/2021 cho đến ngày tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022.

Hội đồng quản trị Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 phê chuẩn!

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS, BTGD
- Quý Cổ đông
- Lưu HCNS

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

TS. Vũ Dương Hiền

Hải Phòng, ngày 08 tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH

(v/v Sửa đổi, bổ sung điều lệ tổ chức và hoạt động)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO;
- Thông tư 116/2020-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty;
- Căn cứ vào tình hình thực tiễn sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong năm 2020, các cơ quan quản lý nhà nước đã ban hành nhiều Luật, nghị định, thông tư liên quan đến hoạt động của các doanh nghiệp cũng như thị trường chứng khoán. Để phù hợp với các quy định mới của Luật doanh nghiệp và Luật Chứng khoán và các yêu cầu quản trị, điều hành của Công ty, Hội đồng quản trị đã rà soát Điều lệ hiện hành của Công ty. Trên cơ sở rà soát, Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều khoản của Điều lệ Công ty cần được sửa đổi, bổ sung theo đúng các quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua những điểm sửa đổi, bổ sung Điều lệ với các điều khoản như kèm theo.

Trân trọng./.

Tài liệu kèm theo:

- Bảng các nội dung sửa đổi, bổ sung, cập nhật Điều lệ Công ty;
- Dự thảo Điều lệ Công ty.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS, BTGD
- Quý Cổ đông
- Lưu HCNS

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

TS. Vũ Dương Hiền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Hải Phòng, ngày 08 tháng 5 năm 2021

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 ngày 08 tháng 5 năm 2021

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

c) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

d) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

e) *Người điều hành doanh nghiệp* là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc), Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

f) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

h) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

i) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

j) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

k) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

l) Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

m) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo qui định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật doanh nghiệp phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

- Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

n) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ được định nghĩa trong Luật doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HAPACO GROUP JOINT STOCK COMPANY

- Tên Công ty viết tắt: HAPACO GROUP

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3 Tòa nhà Green, số 7 Lô 28A Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, Hải Phòng

- Điện thoại: 0084.31.3556002

- Fax: 0084.31.3556008

- E-mail: hapaco@hapaco.vn

- Website: www.hapaco.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 59 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 60 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

- Sản xuất bột giấy và giấy các loại, sản phẩm chế biến từ lâm nông sản để xuất khẩu.

- Sản xuất, kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm chung cất từ dầu mỏ.
- Sản xuất và kinh doanh hàng dệt may xuất khẩu.
- Kinh doanh vận tải hành khách thủy, bộ.
- Kinh doanh bất động sản, xây dựng văn phòng và chung cư cho thuê.
- Đầu tư tài chính và mua bán chứng khoán.
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, du lịch sinh thái.
- Đào tạo nguồn nhân lực.
- Kinh doanh các sản phẩm và thiết bị máy móc, vật tư, nguyên liệu, hóa chất thông thường.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.
- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi.
- In ấn: In giấy vàng mã xuất khẩu
- Hoạt động của các bệnh viện.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- a. Hoạt động trong khuôn khổ chính sách và pháp luật của nhà nước Việt Nam; luôn công khai, minh bạch, làm ăn đàng hoàng, cạnh tranh sòng phẳng tìm kiếm lợi nhuận trong mối tương quan với lợi ích của người tiêu dùng, lợi ích của xã hội để xây dựng nên một thương hiệu mạnh, là niềm tự hào của Doanh nghiệp và quốc gia.
- b. Trở thành một tập đoàn kinh tế đa chức năng lớn mạnh với công nghệ sản xuất và kinh doanh hiện đại, phát triển nhanh và bền vững, đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế đồng thời đa dạng hóa sản phẩm, ngành nghề kinh doanh nhằm thu lợi nhuận tối đa, không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh, nâng cao năng lực cạnh tranh trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.
- c. Đảm bảo quyền lợi của các cổ đông, đời sống vật chất cũng như tinh thần của cán bộ công nhân viên (CBCNV), tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông cùng với sự phát triển bền vững của Công ty. Công ty luôn đem lại cho mỗi thành viên của mình điều kiện phát triển tốt nhất tài năng và một cuộc sống đầy đủ về vật chất, phong phú về tinh

thần.

- d. Huy động vốn và sử dụng vốn có hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng và ngành nghề kinh doanh đã được cấp phép.
- e. Hoàn thành nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, đóng góp tích cực vào sự phồn vinh của xã hội, góp phần phát triển kinh tế đất nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là: 556.266.210.000 đồng (bằng chữ: Năm trăm năm mươi sáu tỷ, hai trăm sáu mươi sáu triệu, hai trăm mười nghìn đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 55.626.621 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục I đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những

điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán

được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
3. Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ

phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Trường hợp thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị

và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết theo quy định trong Điều lệ công ty.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng

thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; thành viên độc lập Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều 284 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt

động của Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc);

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm

thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp

Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có

quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ

đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có

số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các

khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi

thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết

có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 07 người.
- 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật

Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm

sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc (Tổng giám đốc).

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho

đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Giám đốc (Tổng giám đốc) hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm

đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác [theo quy định trong Điều lệ công ty].

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số

thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc (Tổng giám đốc), các Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

2. Theo đề nghị của Giám đốc (Tổng giám đốc) và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Giám đốc (Tổng giám đốc) được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc (Tổng giám đốc) do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục

riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc (Tổng giám đốc)

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc (Tổng giám đốc).

2. Giám đốc (Tổng giám đốc) là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Giám đốc (Tổng giám đốc) không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc (Tổng giám đốc) phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Giám đốc (Tổng giám đốc) có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc (Tổng giám đốc);

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc) khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc) mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Công ty thành lập Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và theo quy định tại Điều 36 đến Điều 41 Điều lệ này.

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường

hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác

theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với

các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng,

không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc (Tổng giám đốc) phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc (Tổng giám đốc) phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực

thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy

chúng nhận đăng ký kinh doanh đó.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được

thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty,

quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Hội đồng quản trị chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn HAPACO nhất trí thông qua ngày 08 tháng 5 năm 2021 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty